**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**

**về thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nâng xếp hạng chỉ số B1**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 415/KH-BCA-V03*

*ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Công an)*

**I. TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP NÂNG XẾP HẠNG CHỈ SỐ B1**

**1. Chỉ đạo triển khai thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp để giảm chi phí tuân thủ pháp luật, nâng xếp hạng chỉ số B1**

**2. Về xây dựng, hoàn thiện thể chế để giảm chi phí tuân thủ pháp luật**

Nêu cụ thể nội dung các công việc đã thực hiện về rà soát, cắt giảm các quy định pháp luật về an ninh, trật tự để giảm gánh nặng chi phí tuân thủ pháp luật cho doanh nghiệp, bao gồm: Đề án rà soát (nếu có), các dự thảo văn bản pháp luật, văn bản pháp luật đã tham mưu ban hành.

**3. Về tổ chức thi hành pháp luật**

3.1. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật đến cán bộ, chiến sỹ và cộng đồng doanh nghiệp

3.2. Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, chiến sỹ; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, hỗ trợ các doanh nghiệp

3.3. Tiếp nhận và xử lý kiến nghị, phản ánh của doanh nghiệp, thực hiện thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật và khen thưởng trong tổ chức thực thi và tuân thủ pháp luật về an ninh, trật tự

3.4. Về cải cách thủ tục hành chính

Nêu cụ thể các sáng kiến cải cách, cải tiến việc tổ chức thực thi các thủ tục hành chính đã rút ngắn thời gian, chi phí cho doanh nghiệp (nếu có).

3.5. Các nhiệm vụ, giải pháp khác

**II. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG THỰC HIỆN MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP ĐỂ GIẢM CHI PHÍ TUÂN THỦ PHÁP LUẬT, NÂNG XẾP HẠNG CHỈ SỐ B1 VÀ NGUYÊN NHÂN**

**1. Khó khăn, vướng mắc**

**2. Nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc**

***2.1. Nguyên nhân chủ quan***

***2.2. Nguyên nhân khách quan***

**III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

**BIỂU MẪU**

**Kết quả xây dựng và hoàn thiện thể chế**

**về an ninh, trật tự trực tiếp liên quan đến chi phí tuân thủ pháp luật**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 415/KH-BCA-V03*

*ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Công an)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Loại văn bản (luật, nghị định…)** | **Số lượng VBQPPL có quy định liên quan trực tiếp đến chi phí tuân thủ pháp luật** | **Số quy định mâu thuẩn, chồng chéo hoặc không hợp lý, khả thi, không phù hợp với tình hình kinh tế** - **xã hội** | **Tình trạng đã xử lý** | | **Ghi chú** |
| **Số quy định đã xử lý**  *(Nêu cụ thể điều, khoản, điểm)* | **Số quy định chưa xử lý**  *(Nêu cụ thể điều, khoản, điểm)* |  |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |